

Số:24/2020/QĐST-KDTM

G, ngày 16 tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 48, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 08 tháng 12 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 22/2020/TLST-KDTM ngày 20 tháng 10 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Công ty T

Trụ sở: Xóm C, xã H, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Quang M, chức danh: Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị Thùy D, chức vụ: Chuyên viên, theo văn bản ủy quyền số 1003/2020/VBUQ ngày 10 tháng 3 năm 2020 của Giám đốc Công ty T.

*** Bị đơn:** Công ty TNHH Q.

Trụ sở: Thôn L, xã Đ, huyện G, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn T1, chức danh: Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị N1, chức vụ: Nhân viên công ty, theo văn bản ủy quyền ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Giám đốc công ty.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Đại diện Công ty T và Công ty Q thống nhất các vấn đề sau:

2.1.1. Công ty T và Công ty Q có ký Hợp đồng nguyên tắc về việc mua bán Thép xây dựng các loại số 01/HN/MQ ngày 12/9/2017, theo đó hạn thanh toán theo thỏa thuận của từng đơn hàng trong vòng 02 ngày kể từ ngày giao nhận hàng hóa, lãi xuất chậm thanh toán là 0,05%/ngày. Sau khi ký kết hợp đồng, bên A đã mua hàng là thép xây dựng các loại của bên B như sau:

- Ngày 18/9/2017 công ty Q đã mua thép các loại của công ty T có giá trị là 468.193.495 đồng với hóa đơn số 0009969.

- Ngày 19/9/2017 công ty Q đã mua thép các loại của công ty T có giá trị là 462.271.645 đồng với hóa đơn số 000028.

Tổng số tiền hàng là 930.465.140đồng.

2.1.2. Công ty Q xác nhận thời điểm chậm thanh toán số tiền mua bán hàng phát sinh từ sau 02 ngày nhận hàng là ngày 20/9/2017 và ngày 21/9/2017 theo đúng như Hợp đồng nguyên tắc số 01/HN/MQ ký ngày 12 tháng 9 năm 2017 mà hai bên đã ký kết.

2.1.3. Tính đến ngày 09/11/2020, Công ty Q đã thanh toán toàn bộ số nợ gốc, còn nợ Công ty T số tiền nợ lãi là 259.301.402đồng(Hai trăm năm mươi chín triệu ba trăm linh một nghìn bốn trăm lẻ hai đồng), hiện tại chưa thanh toán.

2.1.4. Công ty T đồng ý việc Công ty Q chỉ phải trả 50% của số nợ lãi 259.301.402đồng(Hai trăm năm mươi chín triệu ba trăm linh một nghìn bốn trăm lẻ hai đồng). Như vậy, Công ty Q phải trả Công ty T số tiền lãi là 129.650.701 đồng(Một trăm hai mươi chín triệu sáu trăm năm mươi nghìn bảy trăm linh một

đồng).

II. Đại diện Công ty T và Công ty Q thống nhất thỏa thuận các nội dung như sau:

1. Về lộ trình thanh toán:

- Chậm nhất đến ngày 30/01/2021, Công ty Q thanh toán cho Công ty T số tiền nợ lãi là 20.000.000đồng(Hai mươi triệu đồng).

- Chậm nhất đến ngày 28/02/2021, Công ty Q thanh toán cho Công ty T số tiền nợ lãi là 30.000.000 đồng(Ba mươi triệu đồng).

- Chậm nhất đến ngày 30/3/2021, Công ty Q thanh toán cho Công ty T số tiền nợ lãi là 40.000.000 đồng(Bốn mươi triệu đồng).

- Chậm nhất đến ngày 30/4/2021, Công ty Q thanh toán cho Công ty T số tiền nợ lãi còn lại.

Trường hợp các ngày thanh toán nêu trên là ngày nghỉ, ngày nghỉ lễ theo quy định của pháp luật thì ngày trả nợ là ngày làm việc tiếp theo.

2. Trường hợp Công ty Q vi phạm bất cứ lộ trình trả nợ nào thì không được giảm 50% số tiền lãi mà phải trả cho Công ty T toàn bộ số tiền nợ lãi là 259.301.402 đồng(Hai trăm năm mươi chín triệu ba trăm linh một nghìn bốn trăm lẻ hai đồng). Đồng thời, Công ty T có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành các thủ tục thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

3.Về án phí: Công ty Q tự nguyện chịu cả 3.241.268đồng (Ba triệu hai trăm bốn mươi một nghìn hai trăm sáu mươi tám đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả Công ty T số tiền 10.077.000 đồng (Mười triệu không trăm bảy mươi bảy nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2010/0005566 ngày 19/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện G, thành phố Hà Nội.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện G;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Cồ Khắc Đàm